

THÔNG BÁO
Tuyển dụng viên chức năm 2023

Thực hiện Công văn số 17333/UBND-THKH ngày 16/11/2023 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận kế hoạch tuyển dụng viên chức Trường Đại học Hồng Đức, Nghị quyết số 32/NQ-HĐT ngày 10/10/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc tuyển dụng viên chức năm 2023, Kế hoạch số 351/KH-ĐHHĐ ngày 30/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc tuyển dụng viên chức năm 2023, Trường Đại học Hồng Đức thông báo tuyển dụng viên chức năm 2023, cụ thể như sau:

1. Số lượng, vị trí việc làm cần tuyển dụng: 191 chỉ tiêu tại các vị trí:

- Vị trí Giảng viên hạng III (mã số V.07.01.03): 105 người, cụ thể:

- + Giảng viên môn Toán học: 04 người;
- + Giảng viên môn Sinh học: 01 người;
- + Giảng viên môn Vật lý: 02 người;
- + Giảng viên môn Xã hội học: 02 người;
- + Giảng viên môn Ngữ văn: 01 người;
- + Giảng viên môn Kỹ thuật công trình: 03 người;
- + Giảng viên môn Kỹ thuật điện, điện tử: 04 người;
- + Giảng viên môn Công nghệ thông tin: 07 người;
- + Giảng viên môn Truyền thông: 02 người;
- + Giảng viên môn Kế toán: 04 người;
- + Giảng viên môn Kinh tế: 06 người;
- + Giảng viên môn Tài chính ngân hàng: 05 người;
- + Giảng viên môn Quản trị kinh doanh: 06 người;
- + Giảng viên môn Luật: 12 người;
- + Giảng viên môn Chính trị: 04 người;
- + Giảng viên môn Tiếng Anh: 15 người;
- + Giảng viên môn Khoa học cây trồng: 04 người;
- + Giảng viên môn Ngôn ngữ: 03 người;
- + Giảng viên môn Mỹ thuật: 02 người;
- + Giảng viên môn Âm nhạc: 01 người;
- + Giảng viên môn Giáo dục thể chất: 02 người;
- + Giảng viên môn Tâm lý học: 02 người;

- + Giảng viên môn Giáo dục học: 02 người;
- + Giảng viên môn Quốc phòng - An ninh: 11 người.
- Vị trí giáo viên mầm non hạng III (mã số 07.02.26): 11 người;
- Vị trí Tổ chức nhân sự (mã số 01.003): 01 người;
- Vị trí Thanh tra (mã số 01.003): 01 người;
- Vị trí Pháp chế (mã số 01.003): 01 người;
- Vị trí Khảo thí (mã số 01.003): 02 người;
- Vị trí Quản lý Đào tạo (mã số 01.003): 09 người;
- Vị trí Quản lý khoa học công nghệ (mã số 01.003): 02 người;
- Vị trí Hợp tác quốc tế (mã số 01.003): 01 người;
- Vị trí Công nghệ thông tin (mã số 01.003): 05 người;
- Vị trí Truyền thông (mã số 01.003): 02 người;
- Vị trí Kế hoạch, Tài chính (mã số 01.003): 03 người;
- Vị trí Thủ quỹ (mã số 01.003): 01 người;
- Vị trí Hành chính tổng hợp (mã số 01.003): 09 người;
- Vị trí Kỹ thuật (mã số 01.003): 05 người;
- Vị trí Công tác người học (mã số 01.003): 08 người;
- Vị trí Quản lý nội trú (mã số 01.003): 04 người;
- Vị trí Giáo vụ (mã số 01.003): 02 người;
- Vị trí Phụ tá thí nghiệm (mã số 01.003): 03 người;
- Vị trí Kế toán (mã số 06.031): 07 người;
- Vị trí Văn thư, lưu trữ (mã số 02.007): 01 người;
- Vị trí Thư viện (mã số V.10.02.06): 03 người;
- Vị trí Y tế: 05 người, cụ thể như sau:
- + Điều dưỡng hạng IV (mã số V.08.05.13): 03 người;
- + Y sĩ hạng IV (mã số V.08.03.07): 01 người;
- + Bác sĩ hạng III (mã số V.08.01.03): 01 người.

2. Hình thức và nội dung tuyển dụng:

2.1. Hình thức tuyển dụng

Trường Đại học Hồng Đức thực hiện việc tuyển dụng viên chức năm 2023 theo hình thức xét tuyển được quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và các quy định hiện hành của UBND tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Nội dung xét tuyển

Xét tuyển viên chức làm việc tại Trường Đại học Hồng Đức năm 2023 được thực hiện 02 vòng như sau:

Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

Vòng 2: Thi phỏng vấn.

a) Thời gian phỏng vấn 30 phút (Trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị).

b) Thang điểm thi phỏng vấn: 100 điểm.

c) Nội dung phỏng vấn: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

3. Điều kiện, tiêu chuẩn của người đăng ký dự tuyển

3.1. Điều kiện, tiêu chuẩn chung

Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 22 Luật Viên chức và Điều 5 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

3.2. Yêu cầu cụ thể của từng vị trí việc làm: Có phụ lục chi tiết kèm theo.

4. Ưu tiên trong tuyển dụng

4.1. Đối tượng ưu tiên trong xét tuyển viên chức được quy định tại Điều 6 của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, cụ thể:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

4.2. Trường hợp người dự xét tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm xét tuyển tại vòng 2.

5. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; 02 phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên người nhận; 02 ảnh 4x6 (chụp trong khoảng thời gian không quá 06 tháng);

6. Xác định người trúng tuyển

6.1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

- a) Có kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.
- b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên theo quy định (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

6.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm bằng nhau (*điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên theo quy định (nếu có)*) ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm phỏng vấn vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Hiệu trưởng quyết định người trúng tuyển.

6.3. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

7. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng

7.1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến Trường Đại học Hồng Đức để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Hồ sơ gồm có các loại giấy tờ:

- Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- Bản sao công chứng các văn bằng, bằng điểm theo yêu cầu của vị trí dự tuyển; Trường hợp văn bằng, bằng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;
- Bản sao công chứng các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học do các cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp (nếu có);
- Giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền từ cấp quận, huyện trở lên cấp trong thời hạn 6 tháng;
- Bản sao Giấy khai sinh; Bản sao công chứng thẻ căn cước công dân;
- Bản sao công chứng bằng khen, giấy khen và giấy chứng nhận hưởng chính sách, giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có);
- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

7.2. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức ban hành quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Nhà trường thông báo công khai trên website của Nhà trường và không tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

8. Thời gian, địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển và lệ phí đăng ký dự tuyển

- Thời gian tiếp nhận: 30 ngày, kể từ ngày 19/11/2023 đến hết ngày 18/12/2023.

- Địa điểm tiếp nhận: Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị, phòng 402, tầng 4, Nhà điều hành, Trường Đại học Hồng Đức, Số 565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại liên hệ: 02373.910.076.

Chi tiết về nội dung, thời gian, địa điểm xét tuyển sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường tại địa chỉ: <http://www.hdu.edu.vn/>.

- Lệ phí dự tuyển: Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

Thông báo này được niêm yết công khai tại Nhà điều hành Trường Đại học Hồng Đức, đăng tải trên báo Thanh Hóa, trang thông tin điện tử của Nhà trường tại địa chỉ: <http://www.hdu.edu.vn/>.

Trên đây là Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2023 của Trường Đại học Hồng Đức để các cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn và có nguyện vọng đăng ký tham gia dự tuyển./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (để b/c);
- Đảng ủy, Hội đồng trường (để b/c);
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Đoàn thể, đơn vị thuộc, trực thuộc;
- Báo Thanh Hóa;
- Website Trường;
- Lưu: VT, TCHCQT.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Văn Dũng

PHỤ LỤC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP, CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG
VÀ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN
(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHHĐ ngày tháng 11 năm 2023 của Trường Đại học Hồng Đức)

TT	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp (mã số)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đơn vị	Yêu cầu cụ thể của từng vị trí việc làm
1	Giảng viên	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	105		Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh giảng viên hạng III theo quy định tại Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT ngày 04/3/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020. Trong đó, yêu cầu về trình độ đào tạo của từng vị trí như sau:
1.1	Giảng viên môn Toán học	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	4	Khoa Khoa học Tự nhiên	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Toán học, Toán giải tích, Phương trình vi phân và tích phân (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).
1.2	Giảng viên môn Sinh học	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	1	Khoa Khoa học Tự nhiên	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Sinh học, Thực vật học, Di truyền học (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).
1.3	Giảng viên môn Vật lý	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	2	Khoa Khoa học Tự nhiên	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Vật lý, Khoa học Vật lý (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).
1.4	Giảng viên môn Xã hội học	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	2	Khoa Khoa học Xã hội	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Xã hội học, Công tác xã hội (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).
1.5	Giảng viên môn Ngữ văn	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	1	Khoa Khoa học Xã hội	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Ngữ văn, Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).

TT	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp (mã số)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đơn vị	Yêu cầu cụ thể của từng vị trí việc làm
1.6	Giảng viên môn Kỹ thuật công trình	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	3	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Kỹ thuật máy và thiết bị xây dựng, nâng chuyển; Cấp thoát nước; Khoa học môi trường.
1.7	Giảng viên môn Kỹ thuật điện, điện tử	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	4	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Kỹ thuật điện, Điện tử.
1.8	Giảng viên môn Công nghệ thông tin	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	7	Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ ngành hoặc chuyên ngành: Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu.
1.9	Giảng viên môn Truyền thông	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	2	Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Truyền thông đa phương tiện, Thiết kế đồ họa, Truyền thông đại chúng (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).
1.10	Giảng viên môn Kế toán	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	4	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).
1.11	Giảng viên môn Kinh tế	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	6	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Kinh tế, Quản lý kinh tế, Thống kê Kinh tế (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).
1.12	Giảng viên môn Tài chính ngân hàng	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	5	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).
1.13	Giảng viên môn Quản trị kinh doanh	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	6	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh và Quản lý (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).
1.14	Giảng viên môn Luật	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	12	Khoa Lý luận chính trị - Luật	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Luật Kinh tế, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).
1.15	Giảng viên môn Chính trị	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	4	Khoa Lý luận chính trị - Luật	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Chính trị học, Triết học (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).

TT	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp (mã số)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đơn vị	Yêu cầu cụ thể của từng vị trí việc làm
1.16	Giảng viên môn Tiếng Anh	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	15	Khoa Ngoại ngữ	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh, Sư phạm Tiếng Anh, Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Anh và có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS đạt 7.0 hoặc tương đương trở lên (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).
1.17	Giảng viên môn Khoa học cây trồng	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	4	Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Khoa học cây trồng, Hệ thống nông nghiệp và kỹ thuật, Khoa học về các hệ thống sinh quyển (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).
1.18	Giảng viên môn Ngôn ngữ	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	3	Khoa Giáo dục Mầm non	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Ngôn ngữ học, Ngôn ngữ Việt Nam (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).
1.19	Giảng viên môn Mỹ thuật	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	2	Khoa Giáo dục Mầm non	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Mỹ thuật, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).
1.20	Giảng viên môn Âm nhạc	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	1	Khoa Giáo dục Tiểu học	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Âm nhạc, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Âm nhạc (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).
1.21	Giảng viên môn Giáo dục thể chất	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	2	Khoa Giáo dục Thể chất	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ ngành hoặc chuyên ngành: Giáo dục thể chất (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).
1.22	Giảng viên môn Tâm lý học	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	2	Khoa Tâm lý - Giáo dục	Có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Tâm lý học (nếu có bằng thạc sĩ thì phải tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên).
1.23	Giảng viên môn Giáo dục học	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	2	Khoa Tâm lý - Giáo dục	Có bằng tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Giáo dục học.
1.24	Giảng viên môn Quốc phòng-An ninh	Giảng viên hạng III (V.07.01.03)	11	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành Giáo dục quốc phòng và an ninh và có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Chính trị học, Quản lý giáo dục, Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự.

TT	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp (mã số)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đơn vị	Yêu cầu cụ thể của từng vị trí việc làm
2	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III (V.07.02.26)	11	Trường Mầm non thực hành	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh giáo viên mầm non hạng III theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường mầm non công lập và Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi một số điều của các thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm giáo dục mầm non trở lên.
3	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên (01.003)	1	Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Chuyên viên theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Công nghệ thông tin.
4	Thanh tra	Chuyên viên (01.003)	1	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Chuyên viên theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Tâm lý học, Công nghệ thông tin.
5	Pháp chế	Chuyên viên (01.003)	1	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Chuyên viên theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

TT	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp (mã số)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đơn vị	Yêu cầu cụ thể của từng vị trí việc làm
					Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Luật.
6	Khảo thí	Chuyên viên (01.003)	2	Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Chuyên viên theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Môi trường, Sinh học.
7	Quản lý đào tạo	Chuyên viên (01.003)	9	- Phòng Quản lý đào tạo (03) - Trung tâm Giáo dục Quốc tế (02) - Trung tâm Giáo dục thường xuyên (02) - Trung tâm Hỗ trợ KNDMST (02)	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Chuyên viên theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính, Quản lý giáo dục, Ngôn ngữ Việt Nam, Quản trị kinh doanh.
8	Quản lý khoa học Công nghệ	Chuyên viên (01.003)	2	Phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Chuyên viên theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Sư phạm Vật lý, Sư phạm tiếng Anh.
9	Hợp tác quốc tế	Chuyên viên (01.003)	1	Phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Chuyên viên theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức

TT	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp (mã số)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đơn vị	Yêu cầu cụ thể của từng vị trí việc làm
					19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Tài chính- Ngân hàng, Kinh tế.
14	Hành chính, tổng hợp	Chuyên viên (01.003)	9	- Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị (05); - Trường Mầm non thực hành (02); - Khoa Giáo dục Tiểu học (01); - Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp (01)	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Chuyên viên theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Quản trị văn phòng, Sư phạm tiếng Anh, Quản trị kinh doanh, Giáo dục thể chất, Kế toán.
15	Kỹ thuật	Chuyên viên (01.003)	5	Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Chuyên viên theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kỹ thuật điện, điện tử; Tin học ứng dụng; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật tài nguyên nước.
16	Công tác người học	Chuyên viên (01.003)	8	- Phòng Giáo dục chính trị và Công tác học sinh, sinh viên (05); - Khoa LLCT- Luật (01); - Khoa Giáo dục Tiểu học (01); - Khoa Kỹ thuật Công nghệ (01)	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Chuyên viên theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Lịch sử, Kế toán, Hóa học, Luật, Ngôn ngữ -

TT	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp (mã số)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đơn vị	Yêu cầu cụ thể của từng vị trí việc làm
					Văn học, Công nghệ sinh học, tiếng Anh, Tài chính- Ngân hàng.
17	Quản lý nội trú	Chuyên viên (01.003)	4	Ban Quản lý ký túc xá, Y tế và An ninh trật tự	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Chuyên viên theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Ngữ văn, Sư phạm Vật lý, Giáo dục thể chất.
18	Giáo vụ	Chuyên viên (01.003)	2	- Khoa Giáo dục Mầm non (01); - Khoa Ngoại ngữ (01).	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Chuyên viên theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Tin học, Lịch sử.
19	Phụ tá thí nghiệm	Chuyên viên (01.003)	3	- Khoa Kỹ thuật Công nghệ (02) - Khoa Khoa học Tự nhiên (01)	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Chuyên viên theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Quản lý xây dựng, Kỹ thuật Công trình xây dựng- Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Thiết bị điện- điện tử, Vật lý chất rắn, Vật lý ứng dụng.
20	Kế toán	Kế toán viên (06.031)	7	- Phòng Kế hoạch - Tài chính (06)	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Kế toán viên theo quy định tại Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/6/2022 của

TT	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp (mã số)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đơn vị	Yêu cầu cụ thể của từng vị trí việc làm
					chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Quản trị kinh doanh quốc tế, Kinh tế; được đào tạo ở nước ngoài và văn bằng được Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.
10	Công nghệ thông tin	Chuyên viên (01.003)	5	Trung tâm Công nghệ thông tin và Tuyền thông	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Chuyên viên theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính.
11	Truyền thông	Chuyên viên (01.003)	2	Trung tâm Công nghệ thông tin và Tuyền thông	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Chuyên viên theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Thiết kế đồ họa, Lịch sử
12	Kế hoạch, tài chính	Chuyên viên (01.003)	3	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Chuyên viên theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Tài chính- Ngân hàng, Kinh tế.
13	Thủ quỹ	Chuyên viên (01.003)	1	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Chuyên viên theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày

TT	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp (mã số)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đơn vị	Yêu cầu cụ thể của từng vị trí việc làm
				- Trung tâm Giáo dục Quốc tế (01)	Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn đối với ngạch công chức chuyên ngành Kế toán, thuế, hải quan, dự trữ. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng.
21	Văn thư, lưu trữ	Văn thư viên (02.007)	1	Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Văn thư viên theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 4/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Văn thư - Lưu trữ, Quản trị văn phòng.
22	Thư viện	Thư viện viên hạng III (V.10.02.06)	3	Trung tâm Thông tin -Thư viện	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Thư viện viên theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/07/2022 của Bộ trưởng Bộ văn hóa Thể thao và Du lịch Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện. Trong đó, yêu cầu có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành hoặc chuyên ngành: Thư viện - Thông tin, Thư viện - Thiết bị trường học.
23	Y tế	Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)	3	Ban Quản lý Ký túc xá, Y tế và An ninh trật tự	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y và Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế. Trong đó, yêu cầu về trình độ đào tạo là có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành điều dưỡng.

TT	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp (mã số)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đơn vị	Yêu cầu cụ thể của từng vị trí việc làm
		Y sĩ hạng IV (V.08.03.07)	1	Ban Quản lý Ký túc xá, Y tế và An ninh trật tự	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Y sĩ hạng IV theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ và Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế. Trong đó, yêu cầu về trình độ đào tạo là có bằng tốt nghiệp y sĩ trình độ trung cấp trở lên.
		Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)	1	Ban Quản lý Ký túc xá, Y tế và An ninh trật tự	Đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh Bác sĩ hạng III theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ và Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế. Trong đó, yêu cầu về trình độ đào tạo là có bằng tốt nghiệp bác sĩ đa khoa, bác sĩ y học cổ truyền.
	Tổng cộng		191		